

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2023
đối với cấp huyện**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/9/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29/6/2023 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng;

Căn cứ Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29/6/2023 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 4508/STC-NS ngày 01/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nguồn và nhu cầu kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2023, như sau:

1. Nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2023 của các huyện, thị xã và thành phố: 1.027.216 triệu đồng, gồm:

a) 70% tăng thu NSĐP thực hiện 2022 so dự toán Thủ tướng Chính phủ giao năm 2022 là 350.930 triệu đồng

b) Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2023 là 108.307 triệu đồng

c) Nguồn thu để lại đơn vị năm 2023 là 14.013 triệu đồng.

d) Nguồn thực hiện CCTL năm 2022 chưa sử dụng hết chuyển sang 553.967 triệu đồng.

2. Nhu cầu kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2023 của các huyện, thị xã và thành phố: 333.600 triệu đồng, trong đó:

a) Nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP là 305.713 triệu đồng

b) Nhu cầu kinh phí thực hiện một số loại phụ cấp, trợ cấp theo quy định năm 2023 là 27.886 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí thực hiện chính sách tinh giảm biên chế năm 2023 theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP và Nghị định 113/2011/NĐ-CP ngày 31/8/2018; Nghị định 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020; Nghị định 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 là 21.765 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi năm 2023 theo Nghị định 26/2014/NĐ-CP là 441 triệu đồng.

- Kinh phí trợ cấp lần đầu theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 là 7.601 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo Hội đặc thù là 1.001 triệu đồng.

- Kinh phí giảm do thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ là 2.922 triệu đồng.

3. Chênh lệch nguồn và nhu cầu năm 2023 của các huyện, thị xã và thành phố: 693.617 triệu đồng, trong đó:

a) Bổ sung cho các huyện còn thiếu nguồn là 6.798 triệu đồng từ nguồn cải cách tiền lương của tỉnh năm 2023.

b) Các huyện, thị xã và thành phố còn dư nguồn chuyển sang năm sau là 700.415 triệu đồng.

(Số liệu chi tiết tại phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cấp phát và thông báo bổ sung kinh phí tại Khoản 3 Điều 1 Quyết định này cho các địa phương theo quy định.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo quy định, không được sử dụng vào mục đích khác.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, CBTH;
- Lưu: VT, P.KTTH.



CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh

KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CÁCH TIỀN LƯƠNG CÁC HUYỆN NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 4674/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Tổng nguồn CCTL năm 2023	70% tăng thu NSDP thực hiện 2022 so dự toán Thủ tướng Chính phủ giao năm 2022	10% TK chi TX dự toán năm 2023	Nguồn thu để lại đơn vị năm 2023	Nguồn CCTL năm 2022 chưa sử dụng hết chuyển sang	Tổng nhu cầu KP thực hiện CCTL năm 2023	Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	Nhu cầu thực hiện một số loại phụ cấp, trợ cấp theo quy định	Chênh lệch nhu cầu kinh phí và nguồn CCTL	Các huyện, thành phố còn thừa chuyển năm sau	Cấp bổ sung cho huyện còn thiếu
1	Thị xã Đức Phổ	25.325	7.732	9.115	2.102	6.376	25.001	22.378	2.623	324	324	
2	Mộ Đức	57.090	29.930	8.519	806	17.835	23.158	22.532	625	33.932	33.932	
3	Tư Nghĩa	24.705	5.851	9.237	1.766	7.851	28.472	24.031	4.441	-3.766	30.645	3.766
4	Ba Tơ	56.419	21.678	7.729	647	26.365	25.774	24.772	1.002	20.343	20.343	
5	Sơn Hà	46.336	11.100	8.775	514	25.947	25.993	24.046	1.946	80.903	80.903	
6	Sơn Tịnh	100.392	35.489	7.158	525	57.220	19.489	19.489		233.564	233.564	
7	TP Quảng Ngãi	273.775	96.318	17.517	3.019	156.921	40.212	39.951	260	46.033	46.033	
8	Trà Bồng	77.975	22.938	8.088	124	46.825	31.942	26.640	5.302	50.613	50.613	
9	Lý Sơn	65.842	9.167	3.070		53.605	15.229	15.229		100.791	100.791	
10	Sơn Tây	128.787	61.234	3.933		63.620	27.996	27.118	878	28.541	28.541	
11	Nghĩa Hành	45.311	15.105	6.232	1.567	22.407	16.771	16.711	59	-3.032		3.032
12	Minh Long	9.180	898	3.713		4.569	12.212	9.443	2.769	74.727	74.727	
13	Bình Sơn	116.079	33.490	15.221	2.943	64.425	41.352	33.373	7.979	700.415	700.415	
Cộng		1.027.216	350.930	108.307	14.013	553.967	333.600	305.713	27.886	693.617	700.415	6.798